

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỨ KỲ  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2022

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Vũ Thị Bền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phan Thị L, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: thôn An T, xã Quang T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: thôn Tư Á, xã Sơn T, huyện Nho Q, tỉnh Ninh Bình.

**- Bị đơn:** Anh Phùng Văn T, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn An T, xã Quang T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

Các đương sự đều vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phùng Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung vào ngày 24/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh T tại thôn An T, xã Quang T, huyện Tứ K hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn, suốt ngày rượu chè về đánh đập chị và chửi bới các con, mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh T không có sự thay đổi nên năm 2012 chị cùng các con về sinh sống tại nhà riêng của chị tại thôn Tư Á, xã Sơn T, huyện Nho Q, tỉnh Ninh Bình. Thời gian chị sinh sống tại Ninh Bình, anh T không quan tâm hỏi thăm chị và các con, giữa anh chị không còn liên lạc gì với nhau trong 10 năm nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên đề nghị TAND huyện Tứ Kỳ giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có 02 con chung là Phùng Phương N, sinh ngày 13/6/2007 và Phùng Duy H, sinh ngày 04/7/2009,

hiện các con đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con vì 10 năm nay anh T không quan tâm, hỏi thăm các con và không có trách nhiệm gì trong việc nuôi dưỡng các con.

Hiện chị L đang làm việc tại công ty OJITEC có địa chỉ tại khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam với mức lương 14 -15 triệu đồng/ tháng, thời gian làm việc theo ca có hôm làm từ 6h sáng đến 14 giờ chiều, có hôm thì làm từ 14 giờ đến 22 giờ, tuy nhiên chị hoàn toàn chủ động về mặt thời gian và mặc dù chị có nhà ở riêng nhưng nhà bố mẹ chị ở sát cạnh nhà chị nên trong những lúc chị đi làm thì bố mẹ chị hỗ trợ trong việc chăm sóc các con.

Cháu Phùng Phương N và Phùng Duy H tại đơn đề nghị gửi tòa án thể hiện nguyện vọng khi bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phùng Văn T trình bày:*

Anh T xác định lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2012 chị L tự ý đưa các con bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, anh đã nhiều lần đến đón mẹ con chị L về nhưng chị L không về nên từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn chị L

+ Về con chung: Anh T xác định lời trình bày của chị L về số lượng con chung, tên tuổi, ngày tháng năm sinh của các con chung là đúng. Hiện các con chung đang ở cùng chị L, khi vợ chồng ly hôn các con chung muốn ở với ai thì là quyền của các con, nếu các con muốn ở với chị L thì anh cũng đồng ý, nếu các con ở với anh thì anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị L và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L, xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Phùng Văn T; Về con chung: giao cháu Phùng Phương N, sinh ngày 13/6/2007 và Phùng Duy H sinh ngày 04/7/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị và anh Phùng Văn T, tại thời điểm thụ L vụ án anh T sinh sống tại thôn An T, xã Quang T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ L để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Phan Thị L và anh Phùng Văn T sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Phùng Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/01/2006 tại UBND xã Quang Trung huyện Tứ Kỳ nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và thực tế đã sống ly thân 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn chị L. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh T có 02 con chung là Phùng Phương N, sinh ngày 13/6/2007 và Phùng Duy H, sinh ngày 04/7/2009, hiện các con đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, anh T có quan điểm nếu các con có nguyện vọng được ở với chị L thì anh cũng đồng ý để chị L nuôi các con. Xét thấy chị L và anh T sống ly thân đã hơn 10 năm nay, trong thời gian sống ly thân thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và cháu Hải, chị L có công việc thu nhập ổn định, có nhà cửa và bố mẹ hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng các con, bên cạnh đó các con có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên để các con có được sự ổn định trong cuộc sống cũng như có được sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị L khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Phùng Văn T.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Phan Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phùng Phương N, sinh ngày 13/6/2007 và Phùng Duy H, sinh ngày 04/7/2009 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), (hiện con chung đang ở cùng chị Phan Thị L). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phùng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000666 ngày 21/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ

**4. Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Phan Thị L và anh Phùng Văn T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Thành**